

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 139/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (B) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Kim T**, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh B.

* *Bị đơn:*

Ông **Bùi Văn B**, sinh năm: 1932;

Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1934;

Cùng địa chỉ: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh B.

Ông B ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H tham gia tố tụng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn B đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Kim T phần đất theo kết quả đo đạc thực tế diện tích là 123,2 m² thuộc một phần thửa đất số 572, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại ấp L, xã S, huyện C, tỉnh B hiện do ông B, bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Phạm Thị Kim T được quyền sử dụng phần đất theo kết quả đo đạc thực tế diện tích là 123,2 m² thuộc một phần thửa đất số 572, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại ấp L, xã S, huyện C, tỉnh B; có tứ cận như sau:

- + Bắc giáp Quốc lộ 57 dài 6,35m;
- + Nam giáp rạch dài 6,96m;
- + Đông giáp thửa số 572 còn lại dài 18,32 m;
- + Tây giáp thửa 572 còn lại dài 18,71m.

(Có họa đồ kèm theo).

Bà Phạm Thị Kim T có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai đúng tên quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định.

Ghi nhận các đương sự không tranh chấp về công trình kiến trúc trên thửa đất tranh chấp.

Bà Phạm Thị Kim T được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ công trình kiến trúc trên đất như sau:

- Nhà chính: móng đơn, bê tông cốt thép, khung bê tông cốt thép, nền lát gạch men, tường gạch dày 10cm, tầng nhựa, mái lợp tole tráng kẽm, diện tích 88,4m².

- Mái che tiền chế khung thép, mái lợp tole tráng kẽm, diện tích 52,4m².

Về chi phí tố tụng: bà T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng số tiền là 2.678.000 đồng (hai triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng). Bà T đã nộp xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B và bà H phải liên đới nộp án phí số tiền là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng) nhưng ông B và bà H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí số tiền là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà T phải nộp án phí số tiền là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001748 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí là 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

3. Lý do của việc tách thửa phần đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu theo quy định: Các đương sự xác lập việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào năm 2014 (trước thời điểm ban hành Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh); các đương sự thống nhất việc chuyển

nhượng và bên nhận chuyển nhượng đã quản lý, sử dụng đất ổn định từ năm 2014 cho đến nay.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA + VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tuyết Nga